

Số: 664/2025/QĐST-HNGĐ

Thành phố Thủ Đức, ngày 28 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212, 213, 361 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55 và Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 232/2025/TLST-HNGĐ ngày 13/02/2025, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”:

Người yêu cầu:

- Bà Phan Kim N, sinh năm 2000

Địa chỉ: Số B Đường số F, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Mai Xuân L, sinh năm 1997

Địa chỉ: Số G, M, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về xác định yêu cầu và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Bà Phan Kim N và ông Mai Xuân L yêu cầu thuận tình ly hôn, do đó yêu cầu của bà N và ông L là yêu cầu về thuận tình ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do người yêu cầu có nơi cư trú tại thành phố T nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 35 và điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về các yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ các bản tự khai, biên bản hòa giải có trong hồ sơ vụ việc, Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức nhận thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 65/2024 ngày 28/9/2024 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, Thành phố Hồ

Chí Minh thì quan hệ hôn nhân giữa bà Phan Kim N và ông Mai Xuân L là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống, bà N và ông L phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề trong cuộc sống nên vợ chồng không tìm được nói tiếng chung, cuộc sống hôn nhân bế tắc, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà N và ông L đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không được cải thiện. Từ tháng 10 năm 2024, bà N và ông L đã không còn chung sống với nhau. Nay, bà N và ông L cùng xác định không còn tình cảm với nhau, do đó cả hai đều yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông L là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, bà N và ông L cùng yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là có cơ sở xem xét chấp nhận.

- Về con chung: Bà Phan Kim N và ông Mai Xuân L không có con chung.

- Về tài sản chung: Bà Phan Kim N và ông Mai Xuân L tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Phan Kim N và ông Mai Xuân L tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng bà Phan Kim N và ông Mai Xuân L phải chịu, nhưng được căn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí bà N, ông L đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0079182 ngày 21/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thủ Đức. Bà Phan Kim N và ông Mai Xuân L đã nộp đủ lệ phí.

Xét thỏa thuận nêu trên của bà N và ông L là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với nhà nước hoặc với người thứ ba. Do đó, công nhận sự thỏa thuận nêu trên của bà N, ông L là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20/3/2025, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Kim N, sinh năm 2000 và ông Mai Xuân L, sinh năm 1997 thuận tình ly hôn.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 65/2024 ngày 28/9/2024 của Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh chấm dứt hiệu lực kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật)

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự:

Lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng bà Phan Kim N và ông Mai Xuân L phải chịu, nhưng được căn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí bà N, ông L đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0079182 ngày 21/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức. Bà Phan Kim N và ông Mai Xuân L đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Thủ Đức;
- UBND P. Thảo Điền, thành phố Thủ Đức
Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: VP; Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hà Thị Hoài